

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 01 (P501)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	001	20020273	Nguyễn Bá Hà Anh	15/10/2002	2023 NN ANH			
2	002	20051323	Nguyễn Lê Vân Ngọc	14/11/2002	2021 NN HQ			
3	003	21000813	Nguyễn Thị Ánh	20/12/2003	2022 NN HQ			
4	004	21010710	Bùi Thanh Vân	23/12/2003	2023 NN HQ			
5	005	21020804	Đào Ngọc Bích	13/05/2003	2024 NN ANH			
6	006	21040377	Nguyễn Minh Phương	16/09/2003	QH.2021.F.1.K4.NN23			
7	007	21041007	Hồ Minh Dũng	14/11/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
8	008	21041380	Nguyễn Thị Bích Thảo	14/04/2003	QH.2021.F.1.G3.NN23			
9	009	21041622	Trần Thị Thanh Thùy	26/10/2003	QH.2021.F.1.K6.NN23			
10	010	21050095	Nguyễn Ngọc Thục Anh	05/11/2003	2023 NN HQ			
11	011	21061153	Phạm Thị Lan	27/05/2003	2023 NN ANH			
12	012	21061229	Trần Hồng Phương	27/11/2003	2023 NN ANH			
13	013	21061242	Nguyễn Thị Quỳnh	23/08/2003	2023 NN ANH			
14	014	21061252	Khuất Phương Thảo	19/09/2003	2023 NN ANH			
15	015	21061269	Lê Quang Thắng	28/11/2003	2023 NN ANH			
16	016	21062018	Trần Ngân Diệp	17/10/2003	2023 NN ANH			
17	017	21063034	Đặng Nguyễn Nhật Duy	15/07/2003	2023 NN NB			
18	018	21063071	Thân Mai Huyền	27/03/2003	2023 NN ANH			
19	019	22010449	Tổng Kim Hoàng	06/05/2003	2023 NN ANH			
20	020	22040399	Cao Thị Vân	25/01/2003	QH.2024.F.1.E29.NN3			
21	021	22041181	Đinh Phương Trang	22/11/2004	QH.2024.F.1.G1.NN			
22	022	22041192	Đỗ Minh Tâm	10/11/2004	QH.2024.F.1.G2.NN			
23	023	22041395	Mai Đức Hạnh	30/12/2004	QH.2022.F.1.J8.QT-KD			
24	024	22064071	Nguyễn Thanh Trúc	05/02/2004	2023 NN ANH			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 02 (P502)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	025	23040311	Võ Đức Duy	12/08/2005	QH.2023.F.1.E13.KDTM3			
2	026	23040437	Cao Thùy Linh	28/03/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
3	027	23040446	Hoàng Hải Linh	21/03/2005	QH.2023.F.1.E10.BPD3			
4	028	23040718	Nguyễn Quỳnh Trang	20/01/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
5	029	23041257	Nguyễn Trung Kiên	26/10/2005	QH.2023.F.1.G1.PD			
6	030	23041261	Đặng Hương Linh	31/05/2005	QH.2023.F.1.G4.DL			
7	031	23041285	Phạm Thị Kim Ngân	23/04/2005	QH.2024.F.1.G3.NN			
8	032	23041324	Nguyễn Chí Việt	11/10/2005	QH.2023.F.1.G3.KT			
9	033	23041654	Nguyễn Thị Thu Hoài	29/03/2005	QH.2024.F.1.K2.NN			
10	034	23041750	Phạm Yến Nhi	23/09/2005	QH.2023.F.1.K6.BPD			
11	035	24040005	Nguyễn Cẩm Anh	22/05/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
12	036	24040008	Nguyễn Ngô Vân Anh	28/09/2006	QH.2024.F.1.E2.SP5			
13	037	24040014	Phạm Hùng Anh	28/12/2006	QH.2024.F.1.E2.SP5			
14	038	24040023	Trần Thị Ngọc Ánh	10/10/2006	QH.2024.F.1.E19.SP4			
15	039	24040024	Trần Việt Bách	24/04/2006	QH.2024.F.1.E3.SP5			
16	040	24040025	Bùi Trần Bảo Châu	31/08/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
17	041	24040042	Lê Thành Đạt	09/02/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
18	042	24040066	Nguyễn Kim Nam Khánh	11/10/2006	QH.2024.F.1.E2.SP5			
19	043	24040075	Lương Đoàn Hải Linh	31/05/2006	QH.2024.F.1.E2.SP5			
20	044	24040083	Nguyễn Thị Hà Linh	11/06/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
21	045	24040086	Trần Võ Diệu Linh	16/07/2006	QH.2024.F.1.E3.SP5			
22	046	24040092	Lê Quang Minh	08/08/2006	QH.2024.F.1.E5.SP5			
23	047	24040108	Phạm Minh Ngọc	26/11/2006	QH.2024.F.1.E3.SP5			
24	048	24040113	Nguyễn Xuân Nhi	08/02/2006	QH.2024.F.1.E3.SP5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 03 (P503)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	049	24040128	Nguyễn Thanh Thảo	12/05/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
2	050	24040130	Nguyễn Đức Thắng	04/04/2006	QH.2024.F.1.E2.SP5			
3	051	24040145	Trần Bảo Trâm	16/02/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
4	052	24040175	Trần Quỳnh Chi	16/01/2006	QH.2024.F.1.G1.SP			
5	053	24040187	Vũ Thị Phương Thảo	21/10/2006	QH.2024.F.1.G1.SP			
6	054	24040193	Nguyễn Lâm Anh	21/07/2006	QH.2024.F.1.J10.SP3D6			
7	055	24040196	Phan Lê Quỳnh Chi	12/11/2006	QH.2024.F.1.J10.SP3D6			
8	056	24040242	Lê Văn An	19/08/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
9	057	24040244	Nguyễn Lê Thái An	04/10/2006	QH.2024.F.1.E6.NN5			
10	058	24040249	Vũ Thái An	02/12/2006	QH.2024.F.1.E9.NN5			
11	059	24040261	Hà Phương Anh	31/12/2006	QH.2024.F.1.E26.NN4			
12	060	24040268	Lê Minh Anh	06/05/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
13	061	24040271	Nguyễn Bảo Anh	18/01/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
14	062	24040272	Nguyễn Hà Trúc Anh	27/01/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			
15	063	24040276	Nguyễn Ngọc Anh	28/06/2006	QH.2024.F.1.E8.NN5			
16	064	24040279	Nguyễn Nhật Anh	24/01/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
17	065	24040288	Nguyễn Thị Trâm Anh	17/04/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
18	066	24040292	Nguyễn Trần Châu Anh	21/03/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
19	067	24040296	Nguyễn Việt Anh	21/08/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
20	068	24040299	Phạm Hồng Anh	10/01/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
21	069	24040304	Phạm Phương Anh	10/10/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			
22	070	24040307	Trần Hải Anh	09/05/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
23	071	24040313	Trịnh Thị Phương Anh	06/11/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			
24	072	24040316	Vũ Huy Anh	20/01/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 04 (P504)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	073	24040317	Vũ Thị Kim Anh	12/03/2006	QH.2024.F.1.E26.NN4			
2	074	24040324	Trịnh Ngọc Ánh	29/09/2006	QH.2024.F.1.E22.NN4			
3	075	24040325	Phạm Gia Bảo	09/08/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
4	076	24040333	Dương Diệu Châu	19/12/2006	QH.2024.F.1.E26.NN4			
5	077	24040341	Trần Long Châu	31/12/2006	QH.2024.F.1.E6.NN5			
6	078	24040355	Đỗ Duy Công	12/05/2006	QH.2024.F.1.E8.NN5			
7	079	24040360	Vũ Huyền Diệu	30/04/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
8	080	24040365	Nguyễn Thủy Dung	15/09/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
9	081	24040368	Mai Đức Dũng	05/05/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5			
10	082	24040370	Nguyễn Trung Dũng	16/12/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
11	083	24040371	Phí Trung Dũng	05/12/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
12	084	24040373	Hoàng Trần Duy	24/07/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
13	085	24040374	Vũ Đình Duy	03/10/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
14	086	24040376	Đậu Hồ Mỹ Duyên	03/06/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
15	087	24040379	Đỗ Ánh Dương	26/07/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			
16	088	24040382	Đỗ Thị Thùy Dương	03/02/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
17	089	24040383	Đinh Thùy Dương	14/01/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
18	090	24040387	Mai Văn Dương	27/09/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
19	091	24040390	Nguyễn Đăng Dương	01/11/2006	QH.2024.F.1.E26.NN4			
20	092	24040392	Nguyễn Tùng Dương	05/04/2006	QH.2024.F.1.E5.NN5			
21	093	24040402	Nguyễn Quốc Đạt	17/03/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
22	094	24040406	Phạm Minh Đăng	09/05/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
23	095	24040409	Hoàng Thanh Đông	30/11/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
24	096	24040411	Đào Quang Anh Đức	01/09/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 05 (P506)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	097	24040413	Nguyễn Văn Đức	24/12/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
2	098	24040415	Lương Vũ Đức Anh	09/07/2006	QH.2024.F.1.E6.NN5			
3	099	24040417	Đặng Hương Giang	15/10/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
4	100	24040421	Ngô Thu Giang	17/08/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
5	101	24040422	Nguyễn Hương Giang	22/05/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
6	102	24040429	Đường Nguyệt Hà	16/10/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
7	103	24040431	Lê Ngọc Hà	21/06/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			
8	104	24040432	Lê Nguyễn Minh Hà	11/07/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
9	105	24040435	Lê Thu Hà	22/12/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
10	106	24040444	Vương Khánh Hà	14/07/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
11	107	24040450	Lê Thị Hằng	18/07/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
12	108	24040451	Nguyễn Thị Minh Hằng	18/08/2006	QH.2024.F.1.E27.NN3			
13	109	24040457	Vũ Thị Hải Hậu	26/09/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
14	110	24040458	Doãn Thị Hiền	01/02/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
15	111	24040462	Tổng Thu Hiền	23/04/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
16	112	24040466	Trịnh Quang Hiệp	22/02/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
17	113	24040470	Lê Trần Duy Hiếu	20/12/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
18	114	24040471	Lại Quang Hiếu	30/09/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
19	115	24040472	Ngô Minh Hiếu	11/05/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
20	116	24040477	Phạm Minh Hiếu	15/12/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
21	117	24040478	Phạm Trung Hiếu	06/06/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			
22	118	24040484	Bùi Đức Hoàng	11/12/2006	QH.2024.F.1.E9.NN5			
23	119	24040486	Nguyễn Huy Việt Hoàng	25/09/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
24	120	24040489	Nguyễn Ánh Hồng	15/12/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 06 (P507)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	121	24040490	Nguyễn Thị Xuân Hồng	25/10/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
2	122	24040495	Dương Tuấn Huy	28/03/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
3	123	24040496	Hà Đức Huy	13/04/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
4	124	24040499	Nguyễn Đức Huy	22/07/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
5	125	24040500	Nguyễn Quang Huy	27/05/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
6	126	24040503	Phan Tấn Huy	21/09/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
7	127	24040504	Phạm Chấn Huy	01/09/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			
8	128	24040515	Mai Trịnh Khánh Huyền	03/10/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
9	129	24040517	Nguyễn Vũ Thu Huyền	03/12/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
10	130	24040520	Nguyễn Thành Hưng	08/04/2006	QH.2024.F.1.E6.NN5			
11	131	24040524	Vũ Vĩnh Hưng	22/01/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
12	132	24040527	Nguyễn Lan Hương	08/07/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
13	133	24040532	Nguyễn Minh Khanh	18/07/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
14	134	24040533	Nguyễn Thị Mai Khanh	10/02/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
15	135	24040534	Nguyễn Vy Khanh	21/02/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
16	136	24040542	Lưu Văn Khánh	17/02/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
17	137	24040543	Nguyễn Gia Khánh	04/03/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
18	138	24040545	Phạm Gia Khánh	27/08/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			
19	139	24040567	Đỗ Thị Thùy Linh	21/07/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
20	140	24040571	Đinh Thái Linh	29/03/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
21	141	24040576	Hoàng Thùy Linh	16/01/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
22	142	24040577	Lã Khánh Linh	18/09/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
23	143	24040582	Lê Thị Hà Linh	19/09/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5			
24	144	24040589	Nguyễn Gia Linh	08/05/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 07 (P508)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	145	24040593	Nguyễn Khánh Linh	02/09/2006	QH.2024.F.1.E26.NN4			
2	146	24040594	Nguyễn Khánh Linh	06/11/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
3	147	24040596	Nguyễn Khánh Linh	21/09/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
4	148	24040606	Nguyễn Phương Linh	08/07/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
5	149	24040607	Nguyễn Phương Linh	29/11/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
6	150	24040612	Nguyễn Thị Khánh Linh	19/12/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
7	151	24040615	Nguyễn Thùy Linh	05/12/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
8	152	24040624	Thắm Ngọc Linh	05/06/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
9	153	24040626	Trần Khánh Linh	16/11/2006	QH.2024.F.1.E8.NN5			
10	154	24040631	Bùi Thị Bích Loan	27/09/2006	QH.2024.F.1.E27.NN3			
11	155	24040638	Nguyễn Đình Long	27/07/2006	QH.2024.F.1.E9.NN5			
12	156	24040644	Phạm Khánh Ly	10/01/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
13	157	24040648	Bùi Ngọc Mai	12/07/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
14	158	24040650	Đỗ Thanh Mai	12/07/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
15	159	24040655	Ngô Thị Tuyết Mai	24/02/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
16	160	24040659	Nguyễn Xuân Mai	02/10/2006	QH.2024.F.1.E9.NN5			
17	161	24040660	Triệu Hương Mai	17/12/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
18	162	24040661	Trần Nguyễn Xuân Mai	23/12/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5			
19	163	24040665	Nguyễn Đức Mạnh	09/08/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
20	164	24040668	Dương Nhật Minh	19/09/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
21	165	24040670	Hoàng Quang Minh	21/08/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5			
22	166	24040671	Lã Gia Minh	26/09/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
23	167	24040675	Ngô Ánh Hồng Minh	04/03/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
24	168	24040676	Nguyễn Bá Quang Minh	09/09/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 08 (P601)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	169	24040678	Nguyễn Quang Minh	18/03/2006	QH.2024.F.1.E24.NN4			
2	170	24040680	Nguyễn Trần Quang Minh	20/08/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
3	171	24040682	Nguyễn Vũ Phương Minh	02/02/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
4	172	24040697	Nguyễn Hoàng Nam	12/12/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
5	173	24040700	Nguyễn Tuấn Hải Nam	03/02/2006	QH.2024.F.1.E9.NN5			
6	174	24040702	Phạm Hải Nam	28/08/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
7	175	24040706	Ngô Hiếu Nga	05/05/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4			
8	176	24040727	Hoàng Thị Mỹ Ngọc	01/04/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
9	177	24040728	Mã Bích Ngọc	25/10/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
10	178	24040729	Ngô Minh Ngọc	29/11/2006	QH.2024.F.1.E8.NN5			
11	179	24040737	Phạm Hồng Ngọc	15/10/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
12	180	24040741	Hoàng Lương Nguyên	14/02/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
13	181	24040742	Nguyễn Đoàn Bình Nguyên	06/12/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
14	182	24040747	Hoàng Thị Nhạn	04/10/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
15	183	24040748	Phan Hồng Nhật	27/11/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
16	184	24040753	Kiều Yến Nhi	10/07/2006	QH.2024.F.1.E22.NN4			
17	185	24040760	Quản Trần Uyên Nhi	28/11/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
18	186	24040764	Ngô Nguyễn Hồng Nhung	21/02/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
19	187	24040767	Trần Thị Lâm Như	23/03/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
20	188	24040770	Trần Vũ Kiều Oanh	21/02/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
21	189	24040771	Hồ Ngọc Phan	12/11/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
22	190	24040772	Hoàng Thanh Phong	28/09/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
23	191	24040773	Nguyễn Duy Phong	20/07/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
24	192	24040775	Nguyễn Tuấn Phong	02/10/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 09 (P602)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	193	24040792	Nguyễn Hà Phương	31/01/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
2	194	24040805	Trần Minh Quang	26/11/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
3	195	24040806	Bùi Minh Quân	27/12/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
4	196	24040809	Nguyễn Đức Quý	25/11/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
5	197	24040810	Đào Văn Quyên	21/04/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
6	198	24040811	Lê Nguyễn Nam Quyên	04/12/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
7	199	24040816	Nguyễn Viết Thái Sơn	18/08/2006	QH.2024.F.1.E13.NN5			
8	200	24040818	Hoàng Văn Sự	27/09/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
9	201	24040819	Bùi Đào Thanh Tâm	27/01/2006	QH.2024.F.1.E29.NN3			
10	202	24040820	Hoàng Minh Tâm	15/04/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5			
11	203	24040821	Lương Thị Minh Tâm	03/02/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
12	204	24040825	Cao Minh Thái	25/12/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
13	205	24040826	Nguyễn Hồng Thái	05/09/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
14	206	24040828	Đoàn Ngọc Phương Thanh	07/09/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
15	207	24040847	Đào Ngọc Thiện	01/03/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
16	208	24040848	Phạm Tuấn Thiện	27/06/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
17	209	24040849	Lê Hữu Thịnh	20/06/2006	QH.2024.F.1.E18.NN5			
18	210	24040855	Nguyễn Thị Thanh Thủy	28/01/2006	QH.2024.F.1.E6.NN5			
19	211	24040870	Trịnh Hoàng Minh Thư	14/06/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
20	212	24040878	Trần Mạnh Tiến	06/02/2006	QH.2024.F.1.E22.NN4			
21	213	24040880	Nguyễn Đức Toàn	17/04/2006	QH.2024.F.1.E10.NN5			
22	214	24040882	Lý Thanh Trà	18/09/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
23	215	24040887	Đỗ Hà Trang	07/11/2006	QH.2024.F.1.E20.NN4			
24	216	24040892	Lại Hà Trang	28/12/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 10 (P603)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	217	24040895	Nguyễn Mai Trang	14/11/2006	QH.2024.F.1.E7.NN5			
2	218	24040902	Nguyễn Thùy Trang	03/02/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
3	219	24040907	Tô Thị Mai Trang	19/07/2006	QH.2024.F.1.E21.NN4			
4	220	24040908	Trần Thị Quỳnh Trang	01/10/2006	QH.2024.F.1.E14.NN5			
5	221	24040911	Vũ Thùy Trang	16/09/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
6	222	24040916	Nguyễn Minh Trí	04/05/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5			
7	223	24040917	Nguyễn Phương Trinh	14/04/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
8	224	24040924	Nguyễn Anh Tuấn	04/07/2006	QH.2024.F.1.E15.NN5			
9	225	24040929	Cao Danh Thanh Tùng	02/09/2006	QH.2024.F.1.E16.NN5			
10	226	24040932	Trần Ánh Tuyết	05/06/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3			
11	227	24040934	Bùi Ngọc Cát Tường	22/11/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
12	228	24040937	Phạm Tố Uyên	17/03/2006	QH.2024.F.1.E28.NN3			
13	229	24040942	Đào Hồng Vân	03/06/2006	QH.2024.F.1.E22.NN4			
14	230	24040959	Triệu Thị Diệu Vy	07/09/2006	QH.2024.F.1.E17.NN5			
15	231	24040960	Vũ Tường Vy	30/11/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4			
16	232	24040962	Đỗ Hải Yến	29/06/2006	QH.2024.F.1.E25.NN4			
17	233	24040967	Nguyễn Phương Anh	21/08/2006	QH.2024.F.1.R2.NN			
18	234	24040974	Bùi Nguyễn Ngọc Dương	12/09/2006	QH.2024.F.1.R1.NN			
19	235	24040976	Nguyễn Thuỷ Dương	19/11/2006	QH.2024.F.1.R1.NN			
20	236	24040981	Doãn Thị Hạnh	30/09/2006	QH.2024.F.1.R1.NN			
21	237	24040984	Nguyễn Thị Thúy Huệ	29/03/2006	QH.2024.F.1.R2.NN			
22	238	24041001	Bùi Hương Ly	11/03/2006	QH.2024.F.1.R1.NN			
23	239	24041016	Chữ Thị Minh Tâm	02/03/2006	QH.2024.F.1.R1.NN			
24	240	24041023	Lương Thảo Trang	01/02/2005	QH.2024.F.1.R1.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 11 (P604)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	241	24041024	Vũ Xuân Trường	03/01/2005	QH.2024.F.1.R2.NN			
2	242	24041028	Đặng Phương Uyên	01/02/2005	QH.2024.F.1.R1.NN			
3	243	24041029	Lê Thu An	28/12/2006	QH.2024.F.1.F1.NN			
4	244	24041037	Nguyễn Mai Anh	01/12/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
5	245	24041046	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/11/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
6	246	24041049	Đoàn Việt Bách	24/11/2006	QH.2024.F.1.F1.NN			
7	247	24041053	Nguyễn Thị Diệu Châu	24/09/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
8	248	24041054	Phạm Hoàng Minh Châu	25/08/2006	QH.2024.F.1.F4.NN			
9	249	24041061	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	13/08/2006	QH.2024.F.1.F4.NN			
10	250	24041062	Lê Thị Thùy Dung	28/02/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
11	251	24041070	Quách Sơn Hà	07/12/2006	QH.2024.F.1.F1.NN			
12	252	24041074	Lê Thục Hiền	22/04/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
13	253	24041078	Lưu Thị Huế	28/03/2006	QH.2024.F.1.F4.NN			
14	254	24041079	Nguyễn Đức Hùng	21/04/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
15	255	24041084	Nguyễn Phi Việt Hưng	22/06/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
16	256	24041088	Đặng Thị Lan Hương	01/02/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
17	257	24041091	Nguyễn Ngọc Khánh	29/10/2006	QH.2024.F.1.F1.NN			
18	258	24041093	Phạm Thị Khuyên	12/10/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
19	259	24041096	Nguyễn Ngọc Lan	26/10/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
20	260	24041108	Nguyễn Thị Linh	01/07/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
21	261	24041118	Nguyễn Ngọc Mai	26/08/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
22	262	24041123	Phạm Nguyễn Lê Na	05/04/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
23	263	24041124	Đỗ Hải Nam	27/11/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
24	264	24041129	Hoàng Thị Ngọc	14/04/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 12 (P606)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	265	24041134	Nguyễn Minh Nguyệt	15/12/2006	QH.2024.F.1.F1.NN			
2	266	24041135	Nguyễn Yến Nhi	06/10/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
3	267	24041137	Phạm Trần Cẩm Nhung	17/11/2006	QH.2024.F.1.F4.NN			
4	268	24041140	Lê Thu Phương	20/08/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
5	269	24041151	Nguyễn Tiến Thành	09/03/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
6	270	24041153	Phạm Thị Thảo	10/02/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
7	271	24041155	Hoàng Anh Thiệu	06/01/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
8	272	24041158	Phạm Minh Thư	14/08/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
9	273	24041169	Trần Thị Thùy Trang	18/01/2006	QH.2024.F.1.F3.NN			
10	274	24041173	Phạm Thu Uyên	12/12/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
11	275	24041177	Phương Hà Vy	30/01/2006	QH.2024.F.1.F2.NN			
12	276	24041189	Đỗ Ngọc Minh Anh	20/09/2006	QH.2024.F.1.C5.NN			
13	277	24041194	Lưu Quỳnh Anh	29/01/2006	QH.2024.F.1.C1.NN			
14	278	24041235	Trương Khánh Chi	28/05/2006	QH.2024.F.1.C6.NN			
15	279	24041244	Nguyễn Thị Phương Dung	08/05/2006	QH.2024.F.1.C1.NN			
16	280	24041286	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/08/2006	QH.2024.F.1.C6.NN			
17	281	24041323	Đỗ Hà Ngọc Linh	29/11/2006	QH.2024.F.1.C3.NN			
18	282	24041337	Nguyễn Thị Ngọc Linh	10/07/2006	QH.2024.F.1.C5.NN			
19	283	24041371	Hoàng Anh Minh	30/05/2006	QH.2024.F.1.C6.NN			
20	284	24041403	Phan Thị Ngọc	07/01/2006	QH.2024.F.1.C6.NN			
21	285	24041444	Cao Thái Sơn	25/12/2006	QH.2024.F.1.C3.NN			
22	286	24041523	Nguyễn Phương Anh	11/11/2006	QH.2024.F.1.G2.NN			
23	287	24041544	Bành Hoàng Ngân Giang	26/11/2006	QH.2024.F.1.G4.NN			
24	288	24041570	Thân Hoàng Linh	16/06/2006	QH.2024.F.1.G2.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 13 (P607)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	289	24041579	Phạm Trần Ngọc Mai	13/03/2006	QH.2024.F.1.G4.NN			
2	290	24041581	Đinh Huy Đức Minh	06/05/2006	QH.2024.F.1.G4.NN			
3	291	24041586	Nguyễn Thục Mỹ	24/04/2006	QH.2024.F.1.G2.NN			
4	292	24041592	Nguyễn Văn Nhi	08/10/2006	QH.2024.F.1.G2.NN			
5	293	24041596	Trịnh Quang Phúc	23/03/2006	QH.2024.F.1.G4.NN			
6	294	24041601	Lưu Nhật Quang	13/10/2006	QH.2024.F.1.G1.NN			
7	295	24041631	Nguyễn Thị Thúy An	07/04/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
8	296	24041635	Bùi Ngọc Anh	21/09/2006	QH.2024.F.1.J9.NN			
9	297	24041638	Bùi Quỳnh Anh	14/10/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
10	298	24041645	Hà Quang Anh	15/09/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
11	299	24041646	Lê Hà Anh	27/08/2006	QH.2024.F.1.J8.NN			
12	300	24041649	Nguyễn Hải Anh	24/11/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
13	301	24041652	Nguyễn Mỹ Anh	25/10/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
14	302	24041661	Trần Duy Anh	23/12/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
15	303	24041662	Trần Dương Việt Anh	21/06/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
16	304	24041663	Trần Phương Anh	08/10/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
17	305	24041665	Vũ Phan Anh	07/10/2006	QH.2024.F.1.J9.NN			
18	306	24041668	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	02/01/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
19	307	24041673	Bùi Thị Ánh Chi	19/09/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
20	308	24041674	Lê Thị Xuyên Chi	05/10/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
21	309	24041679	Hà Thanh Dung	06/06/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
22	310	24041680	Ngô Phương Dung	12/06/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
23	311	24041682	Thái Quang Dũng	11/01/2005	QH.2024.F.1.J10.NN3D6			
24	312	24041683	Phạm Đức Duy	07/06/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 14 (P608)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	313	24041689	Phạm Tuyết Dương	08/11/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
2	314	24041691	Vũ Nguyễn Ánh Dương	21/03/2006	QH.2024.F.1.J8.NN			
3	315	24041694	Nguyễn Hoàng Đăng	13/01/2004	QH.2024.F.1.J10.NN3D6			
4	316	24041698	Bùi Hương Giang	21/10/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
5	317	24041704	Phạm Linh Giang	11/12/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
6	318	24041708	Đặng Thanh Hà	16/07/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
7	319	24041709	Mai Thị Thanh Hà	13/07/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
8	320	24041717	Nguyễn Huyền Hạnh	24/09/2006	QH.2024.F.1.J9.NN			
9	321	24041720	Lê Thanh Hằng	06/11/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
10	322	24041723	Trần Phương Hiền	25/11/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
11	323	24041724	Văn Thu Hiền	05/06/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
12	324	24041731	Lê Bách Hợp	02/05/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
13	325	24041733	Vũ Thị Huế	12/09/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
14	326	24041734	Phạm Nguyễn Phi Hùng	18/05/2006	QH.2024.F.1.J5.NN			
15	327	24041736	Lê Quang Huy	02/04/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
16	328	24041739	Bùi Đăng Ngọc Huyền	02/05/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
17	329	24041744	Phạm Thu Huyền	06/02/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
18	330	24041745	Trịnh Lê Ngọc Huyền	17/12/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
19	331	24041749	Trần Ngọc Hường	23/01/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
20	332	24041751	Nguyễn Nam Khánh	01/10/2005	QH.2024.F.1.J3.NN			
21	333	24041758	Bùi Diệu Linh	30/10/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
22	334	24041764	Kiều Gia Linh	07/02/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
23	335	24041768	Nguyễn Bàn Thủy Linh	11/10/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
24	336	24041772	Nguyễn Ngọc Linh	11/06/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 15 (P610)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	337	24041774	Nguyễn Thị Mai Linh	23/09/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
2	338	24041776	Phạm Khánh Linh	29/07/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
3	339	24041779	Trần Ngọc Phương Linh	30/07/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
4	340	24041781	Nguyễn Tuấn Long	05/04/2006	QH.2024.F.1.J5.NN			
5	341	24041782	Dương Thị Cẩm Ly	13/11/2006	QH.2024.F.1.J9.NN			
6	342	24041784	Nguyễn Khánh Ly	14/07/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
7	343	24041792	Nguyễn Đình Mạnh	12/05/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
8	344	24041793	Bùi Nhật Minh	19/09/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
9	345	24041799	Vũ Anh Minh	25/04/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
10	346	24041801	Lê Văn Nam	07/08/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
11	347	24041804	Bùi Thị Thanh Ngân	09/02/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
12	348	24041806	Nguyễn Thanh Ngân	05/10/2006	QH.2024.F.1.J1.NN			
13	349	24041807	Nguyễn Thị Ngoan	21/02/2006	QH.2024.F.1.J9.NN			
14	350	24041808	Giang Thị Minh Ngọc	02/04/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
15	351	24041812	Nguyễn Thị Lương Nguyên	15/12/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
16	352	24041813	Phạm Giang Nguyên	04/10/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
17	353	24041815	Phạm Thị Thanh Nhân	15/01/2006	QH.2024.F.1.J8.NN			
18	354	24041820	Phạm Khánh Nhi	19/11/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
19	355	24041823	Trần Thị Phương Nhung	26/01/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
20	356	24041829	Hoàng Thị Mai Phương	15/11/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
21	357	24041831	Nguyễn Hà Phương	15/04/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
22	358	24041834	Lê Thị Phương	09/09/2005	QH.2024.F.1.J6.NN			
23	359	24041847	Lê Phương Thảo	05/11/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
24	360	24041852	Nguyễn Thị Minh Thắm	15/05/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 16 (P611)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	361	24041857	Trần Thị Hà Thu	25/03/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
2	362	24041859	Đoàn Thu Thủy	16/01/2006	QH.2024.F.1.J4.NN			
3	363	24041861	Lê Thị Ngọc Thúy	14/01/2006	QH.2024.F.1.J5.NN			
4	364	24041865	Đặng Anh Thư	02/11/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
5	365	24041873	Nguyễn Thị Thân Thương	24/11/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
6	366	24041876	Lê Anh Minh Toàn	20/03/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
7	367	24041882	Nguyễn Thị Đoàn Trang	07/04/2006	QH.2024.F.1.J5.NN			
8	368	24041883	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/12/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
9	369	24041897	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	26/02/2006	QH.2024.F.1.J5.NN			
10	370	24041898	Đinh Thị Mai Uyên	09/12/2006	QH.2024.F.1.J6.NN			
11	371	24041899	Nguyễn Thái Hoàng Uyên	18/10/2006	QH.2024.F.1.J7.NN			
12	372	24041901	Đinh Thị Vân	30/01/2005	QH.2024.F.1.J8.NN			
13	373	24041903	Trần Thị Vui	18/07/2006	QH.2024.F.1.J2.NN			
14	374	24041904	Lý Tường Vy	17/08/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
15	375	24041907	Nguyễn Hoài An	07/12/2006	QH.2024.F.1.K10.NN			
16	376	24041916	Đỗ Thái Nguyệt Anh	15/12/2006	QH.2024.F.1.K7.NN			
17	377	24041931	Nguyễn Phương Anh	25/12/2006	QH.2024.F.1.K3.NN			
18	378	24041937	Nguyễn Việt Anh	02/11/2006	QH.2024.F.1.K3.NN			
19	379	24041944	Vì Ngọc Anh	07/07/2006	QH.2024.F.1.K2.NN			
20	380	24041983	Lê Thị Thu Hiền	27/06/2006	QH.2024.F.1.K10.NN			
21	381	24042003	Nguyễn Thu Hương	10/02/2006	QH.2024.F.1.K7.NN			
22	382	24042014	Bùi Hà Linh	11/08/2006	QH.2024.F.1.K8.NN			
23	383	24042015	Bùi Khánh Linh	17/06/2006	QH.2024.F.1.K9.NN			
24	384	24042023	Hà Mai Linh	12/01/2006	QH.2024.F.1.K8.NN			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 17 (P701)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	385	24042025	Lê Thị Linh	28/11/2006	QH.2024.F.1.K10.NN			
2	386	24042060	Nguyễn Khánh Ly	20/10/2006	QH.2024.F.1.K7.NN			
3	387	24042062	Nguyễn Thảo Ly	14/09/2006	QH.2024.F.1.K9.NN			
4	388	24042101	Bùi Phi Nhung	06/12/2006	QH.2024.F.1.K9.NN			
5	389	24042107	Đàm Thu Phương	18/01/2006	QH.2024.F.1.K5.NN			
6	390	24042144	Bùi Thiên Trang	08/11/2006	QH.2024.F.1.K8.NN			
7	391	24042160	Trần Hà Trang	16/09/2006	QH.2024.F.1.K4.NN			
8	392	24042176	Nguyễn Thanh Vân	09/03/2006	QH.2024.F.1.K10.NN			
9	393	24042181	Nguyễn Tường Vy	12/06/2006	QH.2024.F.1.K5.NN			
10	394	24042182	Trịnh Thị Cẩm Vy	07/06/2006	QH.2024.F.1.K6.NN			
11	395	24042183	Vũ Thảo Vy	01/12/2006	QH.2024.F.1.K7.NN			
12	396	24042197	Nguyễn Ngọc Phương Anh	25/05/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
13	397	24042203	Ngô Lê Dũng	18/01/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
14	398	24042204	Vũ Hồng Dương	12/11/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
15	399	24042220	Nguyễn Thiên Thảo	19/11/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
16	400	24042222	Nguyễn Ngọc Mỹ Trâm	24/12/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
17	401	24042223	Lù Thị Hà Vi	22/02/2006	QH.2024.F.1.A1.NN			
18	402	24042291	Nguyễn Vũ Lê Băng	15/10/2006	QH.2024.F.1.F5.NN			
19	403	24042302	Phạm Bình Minh	02/12/2006	QH.2024.F.1.E4.SP5			
20	404	24042304	Lê Thị Huyền Ngọc	21/11/2006	QH.2024.F.1.K10.NN			
21	405	24042322	Nguyễn Hải Anh	09/12/2006	QH.2024.F.1.J3.NN			
22	406	25040001	Kiều Lê Khánh An	15/10/2007	QH.2025.F.1.E6.SP5			
23	407	25040016	Nguyễn Nhật Anh	03/01/2007	QH.2025.F.1.E4.SP5			
24	408	25040018	Nguyễn Phương Anh	27/03/2007	QH.2025.F.1.E5.SP5			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 18 (P702)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	409	25040044	Nguyễn Trần Linh Đan	09/12/2007	QH.2025.F.1.E5.SP5			
2	410	25040140	Phạm Hoàng Mai	06/03/2007	QH.2025.F.1.E5.SP5			
3	411	25040192	Trần Phương Thảo	20/07/2007	QH.2025.F.1.E5.SP5			
4	412	25040274	Nguyễn Ngọc Ánh	23/06/2007	QH.2025.F.1.K1.SP			
5	413	25040377	Cao Thế Anh	24/01/2007	QH.2025.F.1.E19.NN5			
6	414	25040394	Hoàng Thị Châm Anh	11/08/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
7	415	25040398	Lê Hà Anh	17/07/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
8	416	25040435	Nguyễn Thị Vân Anh	23/12/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
9	417	25040449	Phạm Ngọc Quỳnh Anh	05/12/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
10	418	25040484	Đỗ Gia Bảo	14/03/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
11	419	25040499	Trần Bảo Châu	12/09/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
12	420	25040506	Hoàng Phương Chi	10/10/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
13	421	25040509	Nguyễn Hạnh Chi	02/01/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
14	422	25040527	Phạm Trần An Chinh	11/12/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
15	423	25040530	Vũ Đức Cường	19/04/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
16	424	25040546	Nguyễn Ngọc Diệp	05/03/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
17	425	25040566	Lê Tấn Dũng	23/02/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
18	426	25040599	Lê Thị Hương Giang	03/10/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
19	427	25040615	Mai Thu Hà	01/12/2007	QH.2025.F.1.E32.NN5-BRT			
20	428	25040635	Nguyễn Minh Hằng	11/05/2007	QH.2025.F.1.E23.NN5			
21	429	25040642	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17/11/2007	QH.2025.F.1.E26.NN5			
22	430	25040648	Hoàng Minh Hiếu	09/05/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
23	431	25040672	Nguyễn Duy Hưng	05/05/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
24	432	25040675	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	14/12/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 19 (P703)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	433	25040698	Nguyễn Minh Huyền	18/01/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
2	434	25040703	Nguyễn Vũ Thu Huyền	01/04/2007	QH.2025.F.1.E9.SP4			
3	435	25040726	Vũ Bảo Ngọc Khánh	08/05/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
4	436	25040736	Vũ Thị Minh Khuê	11/03/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
5	437	25040739	Phạm Thị Thanh Lam	05/10/2007	QH.2025.F.1.E32.NN5-BRT			
6	438	25040741	Đỗ Bảo Lâm		QH.2025.F.1.E26.NN5			
7	439	25040745	Trần Đức Lâm	24/03/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
8	440	25040749	Nguyễn Khải Lê	16/01/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
9	441	25040778	Lương Thùy Linh	03/12/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
10	442	25040781	Ngô Phương Linh	14/09/2007	QH.2025.F.1.E14.NN4			
11	443	25040782	Nguyễn An Ngọc Linh	02/05/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
12	444	25040787	Nguyễn Hà Huyền Linh	16/12/2007	QH.2025.F.1.E17.NN4			
13	445	25040812	Nguyễn Thu Linh	28/01/2007	QH.2025.F.1.E32.NN5-BRT			
14	446	25040827	Trịnh Phương Linh	04/11/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
15	447	25040833	Đào Quang Hưng Long	26/10/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
16	448	25040847	Bùi Ngọc Mai	14/05/2007	QH.2025.F.1.E27.NN5			
17	449	25040864	Đào Đức Minh	25/02/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
18	450	25040868	Hoàng Tô Tuấn Minh	04/01/2007	QH.2025.F.1.E32.NN5-BRT			
19	451	25040873	Nguyễn Nhật Minh	27/01/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
20	452	25040891	Phạm Ngọc My	08/06/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
21	453	25040913	Lê Trần Quỳnh Ngân	30/12/2007	QH.2025.F.1.E32.NN5-BRT			
22	454	25040928	Hoàng Bảo Ngọc	23/12/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
23	455	25040939	Nguyễn Minh Ngọc	20/11/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
24	456	25040943	Đỗ Phương Nguyên	28/09/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

Môn thi: Tiếng Việt thực hành

Mã môn thi: VLF1053**

Địa điểm thi: Nhà A2

Ngày thi: 22.12.2025

Thời gian: Ca 3 - 13h00

Phòng thi: 20 (P704)

STT	SBD	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Ghi chú
1	457	25040999	Đào Minh Phương	07/03/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
2	458	25041008	Hoàng Thị Mai Phương	06/07/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
3	459	25041019	Phạm Thảo Phương	26/10/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
4	460	25041030	Lã Thục Quyên	02/04/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
5	461	25041032	Nguyễn Tú Quyên	18/02/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
6	462	25041060	Nguyễn Hữu Thành	22/11/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
7	463	25041074	Nguyễn Phương Thảo	26/04/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
8	464	25041093	Nguyễn Hà Thu	13/07/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
9	465	25041103	Mai Anh Thư	25/10/2007	QH.2025.F.1.E21.NN5			
10	466	25041106	Nguyễn Minh Thư	22/09/2007	QH.2025.F.1.E22.NN5			
11	467	25041108	Nguyễn Thị Thanh Thư	17/02/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
12	468	25041122	Nguyễn Lê Phương Thùy	17/08/2007	QH.2025.F.1.E31.NN5-BRT			
13	469	25041134	Nguyễn Ngọc Trâm	28/10/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
14	470	25041156	Nguyễn Minh Trang	02/05/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
15	471	25041160	Nguyễn Quỳnh Trang	22/09/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
16	472	25041168	Phạm Huyền Trang	28/11/2007	QH.2025.F.1.E33.NN5-BRT			
17	473	25041193	Nguyễn Cẩm Tú	12/10/2007	QH.2025.F.1.E29.NN5-BRT			
18	474	25041234	Tô Ngọc Tường Vy	22/04/2007	QH.2025.F.1.E30.NN5-BRT			
19	475	25041330	Phùng Kim An	13/09/2007	QH.2025.F.1.F3.NN			
20	476	25041559	Nguyễn Minh Châu	07/08/2007	QH.2025.F.1.C7.NN			
21	477	25041616	Lê Ngọc Hà	26/10/2007	QH.2025.F.1.C12.NN4			
22	478	25041780	Ngô Xuân Sơn	25/08/2007	QH.2025.F.1.C4.NN			
23	479	25041784	Bùi Minh Tân	28/04/2007	QH.2025.F.1.C12.NN4			

Danh sách có sinh viên

Số sinh viên dự thi:

CBCT 1:.....

Thư ký tổ chức thi:

CBCT 2:.....

DANH SÁCH SV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI

STT		Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Lý do không đủ đk thi		
1		21041622	Trần Thị Thanh Thùy	26/10/2003		nghỉ quá số buổi, Ko có BTN, GK		
2		24041755	Phạm Ngọc Lan	21/06/2006	QH.2024.F.1.J4.NN	nghỉ quá số buổi, Ko có BTN, GK		
3		21061089	Trần Vũ Thu Giang	16/08/2003	2024 NN ANH		Đã nghỉ học	
4		24040778	Đỗ Trường Phúc	06/06/2004	QH.2024.F.1.E29.NN3		Đã nghỉ học	
5		24041609	Lương Hữu Gia Thuận	29/11/2006	QH.2024.F.1.G4.NN		Đã nghỉ học	
6		24042194	Hoàng Cẩm Anh	02/03/2006	QH.2024.F.1.A1.NN		Du học	
7		24042201	Trương Thùy Anh	25/08/2006	QH.2024.F.1.A1.NN	Ko có BTN, GK		
8		24040979	Nguyễn Hải Đăng	20/04/2006	QH.2024.F.1.R2.NN		Ko học	
9		23040394	Nông Khánh Huy	07/09/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3		Ko học	
10		21041483	Lương Minh Thư	20/02/2003	QH.2022.F.1.J3.BPD		Ko học	
11		22041674	Trần Thị Thùy Trang	26/12/2004	QH.2024.F.1.K7.NN		Ko học	
12		22040207	Nguyễn Hương Giang	20/07/2000	QH.2022.F.1.G1.SP		Ko học	